

**SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÀM YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 412/TM-TTYT

Hàm Yên, ngày 12 tháng 06 năm 2025

V/v mời tham gia báo giá hàng hoá, dịch vụ thuộc gói thầu Mua hoá chất xét nghiệm đông máu, hoá chất xét nghiệm miễn dịch và phim Xquang cho Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp sản tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất xét nghiệm đông máu, hoá chất xét nghiệm miễn dịch và phim Xquang cho Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

(Có phụ lục danh mục đính kèm)

Vậy Trung tâm y tế huyện Hàm Yên kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng, gửi báo giá về Trung tâm y tế huyện Hàm Yên.

Địa chỉ: Số nhà 952, Tổ dân phố Tân Bình, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Yêu cầu hồ sơ báo giá gồm các tài liệu sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tài liệu chứng minh đủ điều kiện để kinh doanh.

2. Báo giá theo phụ lục 01 *(báo giá cho các trang thiết bị và dịch vụ liên quan)*

3. Thời gian nhận hồ sơ từ ngày 12/06/2025 đến ngày 21/06/2025.

Liên hệ: Đ/c: Dương Văn Trọng: SĐT 0914778480 (Trong giờ làm việc)

Gửi bản scan qua: Gmail.duongminhtrong@gmail.com; hoặc qua Zalo; SĐT: 0914778480 và gửi bản dấu đỏ cho Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên (theo địa chỉ trên);

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Đăng tải trang website TTYT
- Lưu VT-TTYT

GIÁM ĐỐC



Phùng Duy Bảo



PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời mua sắm giá Số 442/TM-TTYYT ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên)

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
	I. Hóa chất, vật tư xét nghiệm đông máu			
1	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	gồm có: - Chiết xuất nảo thỏ: > 10%, CaCl ₂ : 0,2%, Sodium azide: < 0,01%; Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 4 ngày ở 18-25°C.	Hộp	50
2	hóa chất xét nghiệm aPTT	Hoà chất 1: Chất thử chẩn đoán aPTT-EL. 6x4ml, thành phần: cephalin nảo thỏ < 1,0%, ellagic acid, sodium zide < 0,01%; Hóa chất 2: Dung dịch CaCl ₂ 0,02 mol/l, 6x4ml, thành phần: sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định.	Hộp	10
3	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. Độ ổn định 5 ngày ở 15°C hoặc 7 ngày ở 2-8°C. Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7,4 - 0,2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, chất đệm và chất ổn định. Bảo quản ở 2-8°C, ổn định tới ngày hết hạn. Chất chuẩn dạng đông khô 2x1mL, thành phần: huyết thanh người, sodium azide < 0,01%. Độ ổn định 4 giờ ở 22°C.	Hộp	35
4	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người đông khô đã được điều chỉnh các thông số về mức bình thường	Hộp	5
5	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường. gồm có: Huyết tương người đông khô đã được điều chỉnh các thông số về mức bất thường	Hộp	5
6	Hóa chất chuẩn, dùng để xây dựng đường chuẩn xét nghiệm đông máu.	Hóa chất chuẩn, dùng để xây dựng đường chuẩn xét nghiệm đông máu. Hộp 4x1ml gồm có: Huyết tương người, sodium azide	Hộp	3
7	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	10
8	Dung dịch rửa máy xét nghiệm đông máu tự động	Dung dịch rửa máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	40
9	Dung dịch rửa kim máy xét nghiệm đông máu tự động	Dung dịch rửa kim máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	15
10	Thanh khuấy hóa chất	Thanh khuấy hóa chất	Hộp	
11	II. Hóa chất, vật tư xét nghiệm miễn dịch Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4 trong huyết tương hoặc huyết thanh	*Dải đo được là 0,008-100 ng/mL; trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-T4, Biotinylated T4, đệm và chất bảo quản	Hộp	8
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3 trong huyết thanh	Phương pháp đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh; Dải tuyến tính là 0,2 ng/mL-8,0 ng/mL; Dải đo được là 0,2-8,0 ng/mL; Trong test là vi hạt từ, kháng thể anti-T3, đệm và chất bảo quản	Hộp	8

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH trong huyết thanh	*Dải tuyến tính là 0.01 μ IU/mL-100 μ IU/mL; Dải đo được là 0.005-100 μ IU/mL; test trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-TSH, đệm và chất bảo quản	Hộp	8
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA125 trong huyết tương hoặc huyết thanh	Dải đo được là 1-5000 U/mL; test trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CA125, đệm và chất bảo quản	Hộp	3
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA19-9 trong huyết tương hoặc huyết thanh	Dải đo được là 1.0-2000 U/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CA19-9, đệm và chất bảo quản	Hộp	3
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng t-PSA trong huyết tương hoặc huyết thanh	Dải đo được là 0.008-100 ng/mL; test trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-PSA, đệm và chất bảo quản	Hộp	2
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA trong huyết thanh hoặc huyết tương	Dải đo được là 0.2-1000 ng/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CEA, đệm và chất bảo quản	Hộp	4
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP trong huyết thanh hoặc huyết tương	Dải đo được là 0.5-1210 ng/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-AFP, đệm và chất bảo quản	Hộp	4
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA15-3 trong huyết thanh hoặc huyết tương	Dải đo được là 1.0-500 U/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CA15-3, đệm và chất bảo quản	Hộp	3
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA72-4	Giới hạn đo ≥ 0.2 U/mL. Dải tuyến tính là 0.2 U/mL to 300 U/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CA72-4, đệm và chất bảo quản	Hộp	3
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng CYFRA 21 - 1 trong huyết tương hoặc huyết thanh	Dải đo được là 0.1 ng/mL- 500 ng/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-CYFRA 21 - 1, đệm và chất bảo quản	Hộp	3
22	Hóa chất xét nghiệm định lượng TnI trong huyết thanh hoặc huyết tương	Dải tuyến tính là 0.006 ng/ml -50 ng/ml; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể Anti-TnI, đệm và chất bảo quản	Hộp	18
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương	Dải đo được là 0.05-250 IU/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể Alkaline Phosphatase labeled Anti-HBs, đệm và chất bảo quản	Hộp	10
24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti -HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương	test, trong đó là vi hạt từ, Alkaline phosphatase labeled anti-human IgG, đệm và chất bảo quản	Hộp	10
25	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti-TP trong huyết thanh hoặc huyết tương	test, trong đó là vi hạt từ, Alkaline phosphatase labeled anti-human IgG, đệm và chất bảo quản	Hộp	5
26	Hóa chất xét nghiệm định tính HIV-1, HIV-2 trong huyết thanh hoặc huyết tương	test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể HIV p24, kháng nguyên đặc hiệu HIV-1/2 gắn nhãn ALP, đệm và chất bảo quản	Hộp	10
27	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng FT4	Quy cách : FT4 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1 $\times$ 2.0 mL/lq; C1:1 $\times$ 2.0 mL/lq ; C2:1 $\times$ 2.0 mL/lq	Hộp	2
28	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng T3	Quy cách : T3 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1 $\times$ 2.0 mL/lq; C1:1 $\times$ 2.0 mL/lq ; C2:1 $\times$ 2.0 mL/lq	Hộp	2

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
29	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng TSH	*Quy cách : TSH ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
30	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CA125	Quy cách : CA125 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
31	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CA19-9	Quy cách : CA19-9 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
32	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng TPSA	Quy cách : TPSA ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
33	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CEA	Quy cách : CEA ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
34	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng AFP	Quy cách : AFP ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
35	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CA15-3	Quy cách : CA15-3 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
36	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CA72-4	Quy cách : CA72-4 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
37	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CYFRA 21-1	Quy cách : CYFRA 21-1 ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
38	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Troponin I	Quy cách : Troponin I ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
39	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng HBsAg	Quy cách : HBsAg ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ; C2: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
40	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Anti-HCV	Quy cách : Anti-HCV ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
41	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Anti-TP	Quy cách : Anti-TP ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
42	Hóa chất hiệu chuẩn định tính kháng nguyên HIV 1 p24 và kháng thể của HIV 1, HIV 2 trong huyết thanh	Quy cách : HIV ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0: 1×2.0 mL/lọ; C1: 1×2.0 mL/lọ	Hộp	2
43	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	Hộp	2
44	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	Hộp	2
45	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPFA, AFP, FERR, CEA, CA19-9, CA15-3	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPFA, AFP, FERR, CEA, CA19-9, CA15-3	Hộp	2
46	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPFA, AFP, FERR, CEA, CA19-9, CA15-3	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm CA125, TPSA, FPFA, AFP, FERR, CEA, CA19-9, CA15-3	Hộp	2

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
47	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Hộp	2
48	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Hộp	2
49	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm HBsAg	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm HBsAg	Hộp	2
50	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm HBsAg	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm HBsAg	Hộp	2
51	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm Anti-HCV	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm Anti-HCV	Hộp	2
52	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm Anti-HCV	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm Anti-HCV	Hộp	2
53	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm Anti-TP	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm Anti-TP	Hộp	2
54	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm Anti-TP	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm Anti-TP	Hộp	2
55	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm HIV	Hóa chất kiểm chuẩn mức dương tính cho xét nghiệm HIV	Hộp	2
56	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm HIV	Hóa chất kiểm chuẩn mức âm tính cho xét nghiệm HIV	Hộp	2
57	Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-1000i	Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i	Thùng	10
58	Hóa chất dùng cho các xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang	bao gồm AMPPD (2-Amino-2-hydroxymethyl-propane-1,3-diol), chất tạo huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	Hộp	10
59	Nước rửa hệ thống, dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray	bao gồm Đệm phosphate (H2PO4-/HPO42-), nước, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	Thùng	40
60	Hộp đựng cuvette	Hộp đựng cuvette	Hộp	5

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
61	Hóa chất rửa kim	Hóa chất rửa kim dùng cho các xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL-1000i, CL-1200i, CL-2000i của Mindray. bao gồm NaOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt đa ion âm, chất đệm, chất ổn định	Chai	5
62	Dung dịch thông kim hút mẫu máy miễn dịch	Dung dịch thông kim hút mẫu máy miễn dịch, 50ml/lọ, thành phần gồm: Chất hoạt hoá bề mặt: ≤0.2%; Natri hypochlorit: ≤1.2%; Natri hidroxit: ≤5%	Lọ	1
63	Dung môi pha loãng	bao gồm Albumin huyết thanh lợn, huyết thanh dê, sodium azide NaN ₃ , và ProClin 300.	Hộp	1
64	Giá đựng mẫu để nạp vào máy	Giá đựng mẫu để nạp vào máy.	Cái	6
65	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total β HCG	Dải đo được là 0.5-5000 mIU/mL; test, trong đó là vi hạt từ, kháng thể anti-Total β HCG, đệm và chất bảo quản	Hộp	10
66	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Total β HCG	Quy cách : Total β HCG ở 3 nồng độ khác nhau, trong đó: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ	Hộp	3
67	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, PRL, E3, PROG, LH, TESTO, E2, Total β HCG	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, PRL, E3, PROG, LH, TESTO, E2, Total β HCG	Hộp	2
68	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, PRL, E3, PROG, LH, TESTO, E2, Total β HCG	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, PRL, E3, PROG, LH, TESTO, E2, Total β HCG	Hộp	2
69	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HE4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng human epididymal protein 4 (HE4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 15-1,500 pmol/L *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng (chuột) kháng HE4 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liền hợp kháng thể đơn dòng kháng HE4 (chuột) -alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Hộp	2

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
70	Thuốc thử xét nghiệm định lượng SCCA	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô tế bào vảy (SCCA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.1-70 ng/mL. *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng (chuột) kháng SCCA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng SCCA -alkaline phosphatase trong đệm 3-MES với chất bảo quản.	Hộp	2
71	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 25-OH-Vitamin D	*Hóa chất xét nghiệm định lượng 25-OH-Vitamin D Total trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 3.0-150 ng/mL. *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ streptavidin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng 25-OH vitamin D- alkaline phosphatase trong dung dịch đệm PBS - Rc: 25-OH vitamin D được gắn Biotin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - PT1: Hóa chất tiền xử lý mẫu 1 trong đệm TRIS với chất bảo quản - PT2: Hóa chất tiền xử lý mẫu 2, dung dịch sodium hydroxide.	Hộp	3
72	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HE4	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Human Epididymal protein 4 (HE4) *Quy cách: C0:1×1.2 mL/lọ; C1:1×1.0 mL/lọ; C2:1×1.0 mL/lọ *Thành phần: HE4 trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Hộp	2
73	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCCA	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Squamous cell carcinoma antigen (SCCA) *Quy cách: C0:1×1.2 mL/lọ; C1:1×1.0 mL/lọ; C2:1×1.0 mL/lọ *Thành phần: SCCA trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Hộp	2
74	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25-OH-Vitamin D	*Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Vitamin D toàn phần (25-OH-Vitamin D Total) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: 25-OH-Vitamin D3 trong đệm huyết thanh ngựa ở 3 mức nồng độ	Hộp	2

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
75	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin	Hộp	2
76	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin	Hộp	2
77	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng HE4, CA50, CA242, SCCA	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm định lượng các marker ung thư Human Epididymal Protein 4 (HE4), Carbohydrate Antigen 50 (CA50), Carbohydrate Antigen 242 (CA242) và Squamous Cell Carcinoma Antigen (SCCA) *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: chứa Human Epididymal Protein 4 (HE4), Carbohydrate Antigen 50 (CA50), Carbohydrate Antigen 242 (CA242) và Squamous Cell Carcinoma Antigen (SCCA)	Hộp	2
78	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng HE4, CA50, CA242, SCCA	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm định lượng các marker ung thư Human Epididymal Protein 4 (HE4), Carbohydrate Antigen 50 (CA50), Carbohydrate Antigen 242 (CA242) và Squamous Cell Carcinoma Antigen (SCCA) *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: chứa Human Epididymal Protein 4 (HE4), Carbohydrate Antigen 50 (CA50), Carbohydrate Antigen 242 (CA242) và Squamous Cell Carcinoma Antigen (SCCA)	Hộp	2

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
79	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0,4-60 µg/dL. *Thành phần: - Ra: ví hạt từ phủ kháng thể dễ kháng IgG thô trong đệm TRIS cùng với chất bảo quản - Rb: Liên hợp Cortisol-alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Kháng thể đa dòng (thỏ) kháng cortisol trong đệm TRIS có chất bảo quản.	Hộp	5
80	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cortisol *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: Cortisol ở 3 mức nồng độ	Hộp	2
81	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.2-1000µIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng insulin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng insulin (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	Hộp	10
82	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Insulin	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Insulin *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: Insulin trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Hộp	3
83	Thuốc thử xét nghiệm định lượng C-peptide	*Hóa chất xét nghiệm định lượng C-Peptide trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,01-40 ng / mL cho huyết thanh và huyết tương, 0,1 ~ 400ng / mL cho nước tiểu *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng C-Peptide trong bộ đệm HEPES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng C-Peptide (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Hộp	5

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
84	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C-peptide	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng C-peptide *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C-peptide trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Hộp	2
85	Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP	*Hóa chất xét nghiệm định lượng B-type natriuretic peptide (BNP) trong huyết tương EDTA người *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 10-5000 pg/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng BNP trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng BNP (chuột) - alkaline phosphatase trong dung dịch đệm MES với chất bảo quản.	Hộp	3
86	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin	Hộp	2
87	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: PTH, CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin	Hộp	2
88	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: các chất Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide	Hộp	2
89	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: các chất Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-Peptide	Hộp	2
90	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng B-type natriuretic peptide (BNP) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: BNP ở 3 mức nồng độ	Hộp	2

STT	Tên hóa chất, vật tư	Yêu cầu về kỹ thuật (đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
91	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ferritin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Ferritin (FERR) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải bảo cáo: 0.5-1500 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng Ferritin trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng Ferritin (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm TRIS với chất bảo quản - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản	Hộp	3
92	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: - C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: Ferritin ở 2 mức nồng độ.	Hộp	2
93	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm PTH , CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: PTH , CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin	Hộp	2
94	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm PTH , CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin *Quy cách : 3×2 mL/hộp *Thành phần: PTH , CT, 25-OH-Vitamin D3, VB12, Folate, Ferritin	Hộp	2

PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời yêu cầu báo giá Số /TM-TTYT ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên)

STT	Tên hàng hóa theo E-HSMT	Yêu đặc tính kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Phim DI-HT (8 x 10 inch)	* Phim lộ sáng sử dụng cho ra ảnh trong máy X-Quang số y tế * Dùng được cho máy in Fujii Drypix lite * Kích thước 20x25 cm.	Hộp 100 tờ	Tờ	30.000



Báo giá cho các trang thiết bị và dịch vụ liên quan

(Kính thưa thực dân bảo giá số 44/TM-TTYT ngày 12/06/2025 của Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên)

BẢO GIÀ^(d)

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Bảo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

[illegible]

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của các thiết bị y tế nếu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nếu trong báo giá là trung thực.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá theo Mẫu này, Hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (12).

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

(13) Đơn vị điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 120 ngày (nếu có) của trang thiết bị tương tự chào cho Trung tâm

(14) Đơn vị điền các loại văn bản; số văn bản, ngày văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của các cơ sở y tế ban hành văn bản

